

Số: 1679/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 17 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tu bổ, gia cố
khẩn cấp các hạng mục Di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La (Giai đoạn 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 19/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ về việc Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Công văn số 1080/BVHTTDL-DSVH ngày 02/4/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thẩm định Báo cáo KTKT tu bổ di tích Nhà tù Sơn La, tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 138/TTr-SVHTTDL ngày 09 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Tu bổ, gia cố khẩn cấp các hạng mục Di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La (Giai đoạn 2), với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Tu bổ, gia cố khẩn cấp các hạng mục Di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La (Giai đoạn 2).

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.

3. Chủ đầu tư: Bảo tàng tỉnh Sơn La.

4. Mục tiêu đầu tư: Tu bổ, tôn tạo một số hạng mục của di tích đã xuống cấp nhằm bảo vệ di tích tích, chỉnh trang khuôn viên khu vực di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La, tạo kết nối liên hoàn giữa Bảo tàng - Di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La và Nghia trang liệt sỹ Nhà tù Sơn La, phục vụ nhiệm vụ chính trị đồng thời tạo thuận lợi cho du khách khi đến tham quan tại di tích.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Đà Giang Tây Bắc. Địa chỉ: Số 15A, đường Nguyễn Trãi, tổ 6, Phường Quyết Thắng, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: KS. Nguyễn Văn Ninh.

6. Nội dung và quy mô xây dựng: Theo kết quả thẩm định số 155/KQTĐ-SXD ngày 27/6/2022 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Tu bổ, gia cố khẩn cấp các hạng mục Di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La (Giai đoạn 2).

6.1. Quy mô xây dựng: Đầu tư tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các hạng mục: Nhà 3 gian trên hầm, chòi canh trung tâm, nhà kho và chòi gác cổng nhà tù, chòi canh phía Tây Nam (khu trại lính khổ xanh), chòi canh phía Tây Nam (khu nhà tù), nhà vệ sinh số 1, nhà vệ sinh số 2, tuyến bậc lên xuống, tuyến đường dạo số 1 và một số hạng mục phụ trợ khác.

6.2. Giải pháp thiết kế sửa chữa chủ yếu

6.2.1. Nhà 3 gian trên hầm: Nhà 2 tầng; diện tích xây dựng 120,0m²; diện tích sàn 242,9m²

- Tháo dỡ toàn bộ lito, ngói liệt; thay lại toàn bộ lito bằng gỗ, xử lý chống mối; thay lại 70% diện tích ngói liệt, phần ngói liệt còn lại phân loại, tận dụng và lợp lại;

- Cạo bỏ lớp vôi ve tường, lan can toàn nhà; quét lại bằng vôi ve màu hoàng thổ.

6.2.2. Chòi canh trung tâm: Nhà 2 tầng; diện tích xây dựng 74,1m²; diện tích sàn 148,2m²

- Tháo dỡ toàn bộ lito, ngói liệt; thay lại toàn bộ lito bằng gỗ, xử lý chống mối; thay lại khoảng 70% diện tích ngói liệt, phần ngói liệt còn lại phân loại, tận dụng và lợp lại;

- Tháo dỡ xà gồ vị trí conson; thay lại xà gồ gỗ, xử lý chống mối;

- Bóc dỡ gạch lát nền cốt +3,6m; chống thấm, lát lại bằng gạch gốm; lắp đặt bổ sung ống tôn thoát nước;

- Tháo dỡ phần tum thang; bổ sung cột đỡ xây gạch không nung vừa xi măng mác 75; bổ sung dầm khuyết bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200). Phần cột, dầm bổ sung trát vữa tam hợp mác 50, quét vôi ve màu trắng;

- Cạo bỏ lớp vôi ve lan can; quét lại bằng vôi ve màu hoàng thổ;

- Tháo dỡ cửa sổ; thay lại bằng cửa gỗ, xử lý chống mối.

6.2.3. Nhà kho và chòi gác cổng nhà tù: Nhà 1 tầng; diện tích xây dựng 81,1m²

- Tháo dỡ mái ngói; thay lại toàn bộ bằng mái ngói liệt;

- Tháo dỡ toàn bộ lito, tàu mái, conson; thay lại lito, tàu mái, conson bằng

gỗ, xử lý chống mối;

- Tháo dỡ một số vị trí xà gỗ, cầu phong; thay lại xà gỗ, cầu phong bằng gỗ, xử lý chống mối;

- Tháo dỡ và thay lại vị trí cửa đi, cửa sổ bằng gỗ, xử lý chống mối;

- Tháo dỡ vị trí cửa đi bằng thép, sơn tĩnh điện.

6.2.4. *Chòi canh phía Tây Nam (khu trại lính khổ xanh)*: Nhà 1 tầng; diện tích xây dựng 20,4m²

- Tháo dỡ toàn bộ lito, ngói liệt; thay lại toàn bộ lito bằng gỗ, xử lý chống mối; thay lại khoảng 70% diện tích ngói liệt, phần ngói liệt còn lại phân loại, tận dụng và lợp lại;

- Cạo bỏ lớp vôi ve tường, lan can toàn nhà; quét lại bằng vôi ve màu hoàng thổ.

6.2.5. *Chòi canh trung tâm phía Tây Nam (khu nhà tù)*: Nhà 1 tầng; diện tích xây dựng 10,0m²:

Tháo dỡ toàn bộ lito, ngói liệt; thay lại toàn bộ lito bằng gỗ, xử lý chống mối; thay lại 70% diện tích ngói liệt, phần ngói liệt còn lại phân loại, tận dụng và lợp lại.

6.2.6. *Nhà vệ sinh số 1*: Nhà 1 tầng; diện tích xây dựng 53,2m²

- Bóc dỡ lớp vữa láng sàn mái; chống thấm, láng lại bằng vữa xi măng mác 75;

- Cạo bỏ khoảng 40% lớp vữa trát tường, dầm, trần trong và ngoài nhà; trát lại bằng vữa xi măng mác 75; diện tích còn lại cạo sơn; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn không bả;

- Bóc dỡ gạch lát nền, ốp tường; lát lại nền bằng gạch Ceramic chống trơn kích thước (25x25)cm; ốp lại tường bằng gạch men kính kích thước (25x40)cm, cao 2,4m;

- Tháo dỡ và thay lại hệ thống cấp, thoát nước, thiết bị vệ sinh.

6.2.7. *Nhà vệ sinh số 2*: Nhà 1 tầng; diện tích xây dựng 53,4m²

- Tháo dỡ nền, máng, vách ngăn tiểu nam; thay lại vách bằng vách ngăn nhẹ dày 2cm;

- Cạo bỏ khoảng 30% lớp vữa trát tường, dầm, trần trong và ngoài nhà; trát lại bằng vữa xi măng mác 75; diện tích còn lại cạo sơn; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn không bả;

- Bóc dỡ gạch lát nền, hè, ốp tường; lát lại nền bằng gạch Ceramic chống trơn kích thước (25x25)cm; lát lại hè bằng gạch đỏ chống trơn kích thước (40x40)cm; ốp lại tường bằng gạch men kính kích thước (25x40)cm, cao 2,0m;

- Tháo dỡ và thay lại hệ thống cấp, thoát nước, thiết bị vệ sinh.

6.2.8. *Tuyến bậc lên xuống; chiều dài 123,28m*: Chiều rộng tuyến bậc theo từng đoạn là 2m và 3m; cấu tạo bậc: Mặt, cỏ bậc lát đá rôi/ bậc xây gạch không nung vữa xi măng mác 50/ bê tông mác 150, dày 10cm/ cát đen dày 5cm/ nền đất tự nhiên. Một số tuyến đoạn bậc bố trí bồn hoa hai bên xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, mặt trên bồn lát đá Granite, hai bên trát vữa xi măng mác 75.

6.2.9. *Tuyến đường dạo số 1; chiều dài 43,04m*: Chiều rộng mặt đường 2m; cấu tạo đường: Mặt lát đá rôi/ bê tông mác 100, dày 10cm/ đất tự nhiên. Một bên tuyến đường bố trí bồn hoa xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, trát vữa xi măng mác 75.

Các hạng mục phụ trợ và chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
- Diện tích sử dụng đất: Trong khuôn viên Di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La.

8. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: 01 bước (*thiết kế bản vẽ thi công*). Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu:

- QCXDVN 05-2008: Nhà ở và công trình công cộng-an toàn sinh mạng và sức khỏe;
- QCVN 03-2012/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- QCVN 09-2017: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;
- QCVN 16-2019: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;
- QCVN 06-2021: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;
- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 2737-1995: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5573-2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9361-2012: Công tác nền móng-Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575-2012: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207-2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình dân dụng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo dưỡng;
- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;
- TCVN 7447-2010 (IEC 60364-2005): Hệ thống điện hạ áp, lựa chọn và lắp thiết bị điện;
- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5576-1991: Hệ thống thoát nước-Quy phạm quản lý kỹ thuật;
- TCXDVN 33-2006: Cấp nước-Mạng lưới đường ống và công trình-Tiêu

chuẩn thiết kế;

- TCVN 7957-2008: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ;

- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô;

- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;

- TCVN 3890-2009: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 4.500,0 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	3.873,499	triệu đồng
- Chi phí quản lý dự án	121,346	triệu đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD	379,632	triệu đồng
- Chi phí khác	75,907	triệu đồng
- Chi phí dự phòng	49,616	triệu đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022.

11. Nguồn vốn, dự kiến bố trí kế hoạch vốn

- Nguồn vốn: Theo Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022.

- Dự kiến kế hoạch vốn:

DVT: Triệu đồng

Năm	Ngân sách tỉnh (Theo Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La)	Tổng cộng
2022	4.500,0	4.500,0

12. Hình thức quản lý dự án: Căn cứ theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ để tổ chức thực hiện quản lý dự án theo đúng quy định.

Điều 2. Bảo tàng tỉnh Sơn La (*chủ đầu tư*) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Sơn La; Giám đốc Bảo tàng tỉnh Sơn La; Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, KGVX (D05b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Tráng Thị Xuân